

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MÙƠI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST  
Ngày 24/8/2020  
“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MÙƠI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thời.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Mai Văn Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/8 và 24/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2020/QĐXXST-DS ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 334/2020/QĐST-DS ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Phạm Thị U, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Dương Nhật Đ, sinh năm 1987, trú tại ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Thị U (Giấy ủy quyền ngày 09/6/2020, số chứng thực: 27, quyển số: 01 SCT/CK,CD của Ủy ban nhân dân xã Mỹ An).

***2. Bị đơn:***

2.1. Nguyễn Thị Q, sinh năm 1975.

2.2. Phạm Thanh Đ, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt tại phiên tòa: Anh Đ, bà Q; Ông Đ có đơn vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2020, bà Phạm Thị U trình bày:***

Nguyên vào ngày 15/5/2015 (âm lịch) do chỗ quen biết bà có cho bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Thanh Đ mượn số tiền 60.000.000đ (Chưa viết biên nhận nợ). Ngày 11/4/2016 (âm lịch) do nhiều lần bà yêu cầu Ông Đ, bà Q trả tiền nhưng không trả nên bà yêu cầu vợ chồng Ông Đ ghi biên nhận cho bà và hứa sẽ trả dần mỗi tháng 1.500.000đ (Có biên nhận nợ ngày 11/4/2016). Từ ngày mượn nợ bà đến nay bà Q, Ông Đ không trả tiền lãi cũng như vốn cho bà.

Nay, bà Phạm Thị U yêu cầu Tòa án huyện T giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Q cùng chồng là ông Phạm Thanh Đ trả cho bà số tiền vốn là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Bà không yêu cầu tính lãi.

Về chứng cứ nguyên đơn nộp: Giấy chứng minh nhân dân (photo), sổ hộ khẩu (photo), biên nhận ngày 11/4/2016 (bản chính), giấy ủy quyền ngày 09/9/2019 (bản chính), giấy ủy quyền ngày 09/6/2020 (bản chính), quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 476/2019/QĐST-DS ngày 28/11/2019 (photo), đơn xin đình chỉ đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 (bản chính).

***\* Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Thanh Đ:***

Vợ chồng tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị U vì số tiền nợ 60.000.000đ này là không có sự thật và vợ chồng tôi bị bà U dẫn xã hội đen xuống nhà ép buộc ký vào biên nhận nợ. Vợ chồng tôi có thuê của bà U diện tích 5.5 công tầm 3m với giá 14.000.000đ/năm/5.5 công tầm 3m, đất làm 03 vụ/năm. Việc thuê đất đó vợ chồng tôi làm được vài vụ do làm lỗ quá nên nghỉ thuê bà U và có trả từ từ cho bà U và đã trả tiền xong cho bà U. Sự việc trên tôi yêu cầu Tòa án xác minh ông P để làm rõ việc thuê đất của vợ chồng tôi.

Về chứng cứ bị đơn nộp: Tờ tường trình ghi tên Nguyễn Thị Q đề ngày 10/5/2020 (bản chính), tờ tự khai ký và ghi tên Nguyễn Thị Q đề ngày 08/5/2020 (bản chính), biên nhận ngày 14/6/2016 (bản chính), tờ tự khai ghi tên Phạm Thanh Đ đề ngày 20/7/2020 (bản chính), đơn yêu cầu xác minh, đơn xin vắng mặt các phiên họp, hòa giải và xét xử ký ghi tên Phạm Thanh Đ đề ngày 20/7/2020 (bản chính).

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án nên không kiến nghị.

Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu bà U buộc bà Q, Ông Đ trả cho bà U 54.500.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà U số tiền 5.500.000đ do bà U rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- *Về chấp hành pháp luật:* Ngày 20/7/2020, Ông Đ có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Đ.

- *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện, bà U yêu cầu Ông Đ, bà Q trả số tiền 60.000.000đ. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về thẩm quyền:* Theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

#### **[2] Về nội dung:**

Tại phiên tòa, anh Dương Nhật Đ là đại diện theo ủy quyền của bà U xin rút số tiền 5.500.000đ vì bà U có ký nhận, còn lại 54.500.000đ yêu cầu bà Q, Ông Đ phải trả và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà Q cho rằng vợ chồng bà có ký tên vào biên nhận nợ bà U 60.000.000đ nhưng không nhận tiền, việc ký tên biên nhận là do bị xã hội đen ép buộc. Trước đây khoảng năm 2014, 2015 có vay bà U 8,5 chỉ vàng 24k tương đương 28.000.000đ để trả tiền thuê đất, vợ chồng bà có trả dần cho bà U nên không đồng ý trả bà U 54.500.000đ.

Tại biên bản ghi lời khai ông Phép ngày 05/8/2020: Ông P xác định cách nay khoảng 5-7 năm ông có canh tác đất của mẹ vợ giáp ranh đất bà U, ông có thấy Ông Đ, bà Q canh tác đất của bà U, còn việc giá thuê đất, tiền vay giữa Ông Đ, bà Q với bà U như thế nào thì ông không biết.

Tờ tường trình ngày 10/5/2020, bà Q trình bày có trả bà U: 15.000.000đ có biên nhận vụ Đông Xuân năm 2014 là trả 15.000.000đ Hè Thu trả 5.500.000đ, sau đưa 03 lần 120.000đ; Mùng 9/8 trả 600.000đ; Mùng 5/10 trả 400.000đ; Mùng 3/12 trả 800.000đ, 17 tây trả 370.000đ. Tổng cộng trả 34.500.000đ.

Tờ tự khai ngày 08/5/2020, bà Q trình bày: "...bà U sẽ cho vợ chồng bà vay 8,5 chỉ vàng 24k tương đương 28.000.000đ, lãi suất bà U tự đưa ra là 2.700.000đ/tháng...Từ năm 2014 đến năm 2015 bà U nhiều lần yêu cầu bà trả tiền lãi cho bà U. Bà nhiều lần trả cho bà U được số tiền tổng cộng là 31.500.000đ. Biên bản ghi lời khai ngày 27/5/2020 bà Q khai có trả bà U vụ Đông Xuân 15.000.000đ; Ngày 14/6/2015 (AL vụ Hè Thu) trả 5.500.000đ;

14/6/2016 (AL) trả 5.500.000đ (có biên nhận); trả 03 lần 1.200.000đ; Ngày 09/8/2016 (AL) trả 600.000đ; Ngày 05/10/2016 (AL) trả 400.000đ; Ngày 03/12/2016 (AL) trả 800.000đ và ngày 17/3/2017 (DL) trả 700.000đ;

Tại phiên tòa, bà Q cho rằng trả bà U tổng cộng 34.000.000đ, bà U có ký biên nhận nhận 5.500.000đ còn những lần đưa tiền khác bà U không ký biên nhận nhưng bà có ghi sổ theo dõi; Còn việc bà U dẫn xã hội đen đến nhà ép buộc ký tên nợ 60.000.000đ vào năm 2016 cũng không có ai làm chứng; Riêng việc bà U cho bà thuê đất chưa tính xong bà sẽ bàn với bà U nếu không thống nhất thì bà sẽ kiện bà U.

Ông Phạm Thanh Đ vắng mặt phiên tòa nhưng theo lời khai ông ngày 20/7/2020, ông thống nhất theo ý kiến của bà Q.

Tại phiên tòa, anh Dương Nhật Đ thừa nhận bà U chỉ nhận số tiền 5.500.000đ, có biên nhận bà Q xuất trình có dấu sửa năm, anh không yêu cầu giám định còn các lần khác bà Q khai có đưa bà U nhưng thực tế bà U không nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của bà Q là không có cơ sở, những lần trả tiền bà U không thừa nhận, bà U cho xã hội đen ép buộc ký biên nhận nợ 60.000.000đ bà Q không chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà U. Bà U không yêu cầu tính lãi số tiền 54.500.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc bà Q cho rằng bà thuê đất của bà U chưa giải quyết xong thì đây là mối quan hệ dân sự khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

### ***[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Bà Nguyễn Thị Q, ông Phạm Thanh Đ phải chịu 2.725.000đ (54.500.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị U được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Đình chỉ yêu cầu bà Phạm Thị U đối với số tiền 5.500.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị U. Buộc ông Phạm Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Q trả cho bà U số tiền 54.500.000đ (Năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị U mà ông Phạm Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Q chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ, bà Q phải chịu 2.725.000đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị U 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000288 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thời**